

Phụ lục V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ**

Số: 05 /BC-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 21. tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình quản trị Công ty
Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

*** Thông tin chung về Công ty**

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ.
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường ĐT 751, tổ 8, khu phố Minh Thành 3, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3800100464, ngày cấp 04/8/2025, nơi cấp Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).
- Số điện thoại: 0271 3640502; Website: www.caosusongbe.vn
- Vốn điều lệ: 813.961,920 triệu đồng, trong đó:
 - + Vốn góp của nhà nước: 792.426,960 triệu đồng, chiếm 97,354%.
 - + Vốn góp của nhà đầu tư: 21.534,960 triệu đồng, chiếm 2,646%.
- Mã chứng khoán: SBR
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

ST T	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ- ĐHĐCĐ	28/5/2026	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé thông qua các nội dung (đính kèm).

Nội dung Nghị quyết số 01 /NQ-ĐHĐCĐ (đính kèm) như sau:

Điều 1. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả Sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2026.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán bởi Công ty Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUS) với Tổng Tài sản là 1.071.313.629.562 đồng; tổng nợ phải trả 257.351.709.562 đồng và vốn Chủ sở hữu là 813.961.920.000 đồng theo tờ trình số 05/TTr - HĐQT ngày 28/5/2026 của Hội đồng quản trị.

Chỉ tiêu	31/12/2025	01/01/2025
I. Tổng tài sản	1.071.313.629.562	1.042.720.493.546
1. Tài sản ngắn hạn	602.693.678.527	535.897.339.775
2. Tài sản dài hạn	468.619.951.035	506.823.153.771
II. Tổng nguồn vốn	1.071.313.629.562	1.042.720.493.546
1. Nợ phải trả	257.351.709.562	228.758.573.546
1.1. Nợ ngắn hạn	257.351.709.562	228.758.573.546
Trong đó: Nợ quá hạn	0,00	0,00
1.2. Nợ dài hạn	0,00	0,00
2. Vốn Chủ sở hữu	813.961.920.000	813.961.920.000
III. Kết quả kinh doanh	Năm 2025	Năm 2024
1. Tổng doanh thu	365.424.511.856	315.067.418.575
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	326.330.160.345	268.478.280.835
- Doanh thu hoạt động tài chính	32.994.020.791	25.283.025.433
- Thu nhập khác	6.100.330.720	21.306.112.307
2. Tổng chi phí	319.154.024.346	258.947.587.588
3. Tổng lợi nhuận trước thuế	46.270.487.510	56.119.830.987
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	39.156.384.008	46.858.096.434

Điều 5. Thông qua việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2025 theo Tờ trình số 06/TTr - HĐQT ngày 28/5/2026 của Hội đồng quản trị.

- Lợi nhuận sau thuế còn lại chia cổ tức như sau:		12.451.847.000
+ Trả cổ tức vốn Nhà nước nộp ngân sách tỉnh chiếm (79.242.696 cổ phần)	97,354%	12.122.409.000
+ Trả cổ tức vốn nhà đầu tư chiếm (2.153.496 cổ phần)	2,646%	329.438.000
- Mức trả cổ tức:		153 đồng/cổ phần

Điều 6. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026. Thông qua đề xuất lựa chọn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt theo Tờ trình số 01/TTr-BKS ngày 28/5/2026 của Hội đồng quản trị và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé chọn Công ty kiểm toán theo tờ trình, để Tổng giám đốc ký Hợp đồng kiểm toán với Công ty kiểm toán.

Điều 7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 theo tờ trình số 07/TTr-HĐQT ngày 28/5/2026 của Hội đồng quản trị.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
1	Diện tích vườn cây kinh doanh	Ha	3.869,59
2	Diện tích vườn cây KTCB	Ha	291,22
3	Tổng sản lượng mủ cao su SVR3L chế biến đại điền	Tấn	4.980
4	Tổng sản lượng chế biến tiểu điền	Tấn	1.610
5	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	6.590
6	Giá bán bình quân	Triệu đồng/tấn	50
7	Giá thành bình quân đại điền	Triệu đồng/tấn	45
8	Giá thành bình quân tiểu điền	Triệu đồng/tấn	50
9	Tổng doanh thu	trđ	402.000
10	Lợi nhuận trước thuế	trđ	50.900
11	Tiền lương bình quân/người/tháng	trđ	8
12	Thu nhập bình quân/người/tháng	trđ	8,5
13	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn điều lệ	%	5,00

Điều 8. Thông qua Tờ trình số 08/TTr-HĐQT ngày 28/5/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua tiền lương và thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty cổ phần cao su Sông Bé.

- Tổng quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm trong năm 2025 là: 3.352.725.000 đồng.

- Đề xuất Quỹ tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành năm 2026 là: 5.275.200.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức chi tiền lương, thù lao cụ thể cho từng thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 9. Thông qua Tờ trình số 09/TTr-HĐQT ngày 28/5/2026 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần cao su Sông Bé.

II. Hoạt động của Hội đồng Quản trị (6 tháng đầu năm 2026)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Thái Công cần	Chủ tịch HĐQT	26/12/2018	
2	Nguyễn Đông Dân	TV HĐQT- Tổng Giám đốc	26/12/2018	Đơn từ nhiệm không tham gia HĐQT từ 01/6/2026
3	Nguyễn Minh Thiện	TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc	26/07/2024	
4	Nguyễn Thị Mỹ Phước	TV HĐQT	26/12/2018	
5	Trương Minh Hùng	TV độc lập HĐQT	29/12/2023	

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị: Ngày 01/6/2026 Ông Nguyễn Đông Dân - thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cao su Sông Bé có đơn từ nhiệm không tiếp tục tham gia HĐQT. Lý do Nghỉ hưu theo chế độ. Hội đồng quản trị đã tiếp nhận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Đông Dân và sẽ tổ chức Đại hội đồng cổ đông gần nhất để thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Đông Dân.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

ST T	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
-----------------	------------------------	---------------------------------	----------------------	----------------------------

1	Thái Công Cần	13/13	100%	
2	Nguyễn Đông Dân	12/13	92,30%	Có đơn từ nhiệm từ ngày 1/6/2026
3	Nguyễn Minh Thiện	13/13	100%	
4	Trương Minh Hùng	13/13	100%	
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước	13/13	100%	

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc của Công ty.

Hàng tháng và hàng quý, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty được báo cáo chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, các vấn đề phát sinh, và kế hoạch thực hiện trong các giai đoạn tiếp theo. Các báo cáo này do Ban Tổng Giám đốc trình bày, giúp Hội đồng quản trị có cái nhìn toàn diện về hoạt động của Công ty.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, và các quy chế nội bộ. Các thành viên Hội đồng quản trị không chỉ tham gia kiểm tra, giám sát trực tiếp mà còn nhận các ý kiến đóng góp từ ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý và điều hành.

4. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng quản trị (nếu có): không có

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị

Trong 6 tháng đầu năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 phiên họp với sự có mặt đầy đủ của các thành viên. Nội dung các phiên họp luôn được sự nhất trí và đồng thuận cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc đưa các Nghị quyết của Hội đồng quản trị vào thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm đều có ý nghĩa định hướng cho công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban tổng giám đốc.

S T T	Số Nghị quyết; tỷ lệ thông qua	Ngày	Nội dung
1	Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	09/3/2026	- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với các nội dung chính như sau: + Dự kiến ngày chốt danh sách cổ đông ngày 01/4/2026 + Thời gian tổ chức Đại hội: Dự kiến khoảng thời gian từ ngày 23/4/2026 đến

			ngày 29/4/2026. hoặc thời gian cụ thể khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định, tùy theo tình hình thực tế của Công ty.
2	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	02/4/2026	- Thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với ngày dự kiến tổ chức Đại hội trước ngày 30/06/2026 theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, thay cho khoảng thời gian dự kiến tổ chức Đại hội ngày 23/04/2026 đến ngày 29/04/2026 đã được thông qua tại Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2026. + Lý do gia hạn: Công ty có thời gian chuẩn bị các hồ sơ Đại hội. - Thông qua việc tiếp tục sử dụng Danh sách cổ đông được lập theo ngày đăng ký cuối cùng đã thông báo (01/04/2026) đề cập trong Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/NQ-HĐQT ngày 09/03/2026.
3	Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	15/4/2026	- Ban hành “Bộ định mức và hạn mức thực hiện tác nghiệp trồng, chăm sóc, khai thác trên vườn cây cao su”, bao gồm 2 phần: + Định mức trồng và chăm sóc vườn cây cao su kiến thiết cơ bản. + Định mức và hạn mức thực hiện tác nghiệp chăm sóc, khai thác vườn cây cao su kinh doanh. - Ban hành “Định mức thực hiện tác nghiệp trồng, chăm sóc vườn cây keo lai” - Bộ định mức này được áp dụng để thực hiện việc trồng, chăm sóc, khai thác mủ, thanh lý trên vườn cây keo lai và vườn cây cao su trong phạm vi toàn Công ty
4	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	07/4/2026	- Thống nhất ý kiến thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 của Công ty. - Người đại diện phần vốn Nhà nước sẽ xin ý kiến Chủ sở hữu và cơ quan Tài

			chính về Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ. Sau khi có văn bản quyết định của Chủ sở hữu (UBND tỉnh) và Cơ quan tài chính, Người đại diện sẽ tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.
5	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	23/4/2026	- Thống nhất trình và xin ý kiến chủ sở hữu (UBND tỉnh) và Cơ quan Tài chính (Sở Tài chính) về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cao su Sông Bé.
6	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	25/5/2026	- Thống nhất trình và xin ý kiến chủ sở hữu (UBND tỉnh) và Cơ quan Tài chính (Sở Tài chính) về các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2026-2030 trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cao su Sông Bé.
7	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	26/5/2026	- Thuận chủ trương cho thay đổi giống cao su trồng tại các vị trí đối với từng khu vực trong diện tích trồng tái canh 162,53 ha tại nông trường Nghĩa Trung, cụ thể như sau: - Giống PB255 (54,87ha) thay đổi gồm: RRIV103 lô 56/2004-2010 (19,82ha), RRIV209 có diện tích 35,05ha (gồm các lô 22/2007 (17,03ha), lô 23/2007-2010 và lô 24/2010 (18,02ha)). - Giống RRIV106 (61,66ha) thay đổi gồm: RRIV103 lô 28/2007 (19,62ha), RRIV209 có diện tích 42,04ha (gồm các lô 29/2008 (27,85ha), lô 30/2010 (14,19ha)).
8	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	29/5/2026	- Hội đồng quản trị thống nhất tiếp nhận đơn từ nhiệm của Ông Nguyễn Đông Dân, Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé và trình Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 đối với Ông Nguyễn Đông Dân tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

02
T
A
S
H

			gần nhất.
9	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT; tỷ lệ 100%	02/6/2026	- Giao quyền điều hành và là người đại diện pháp luật tại Công ty cổ phần cao su Sông Bé đối với Ông Nguyễn Minh Thiện - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên kiểm soát		Trình độ chuyên môn
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	
1	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng ban	26/12/2018		ĐHKT
2	Từ Xuân Lâm	Thành viên	14/09/2020		ĐH QTKD
3	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	28/06/2022		Cử nhân Kế toán

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ban kiểm soát tổ chức 03 cuộc họp định kỳ để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát, các cuộc họp nhằm thảo luận và thống nhất nội dung đánh giá kết quả kiểm soát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Các cuộc họp được tổ chức theo đúng quy định của Pháp luật, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

S T T	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham (%)	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Trần Thị Ngọc Liên	03/03	100%	100%	
2	Từ Xuân Lâm	03/03	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Phương	03/03	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mục đích đảm bảo các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông. Hội đồng quản trị đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật.

Thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty; kiểm tra tình hình sử dụng các Quỹ của Công ty; tình hình mua sắm hàng hóa, vật tư, thiết bị.

Các quyết định của Ban Tổng Giám đốc được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của Công ty và của cổ đông; không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người có liên quan.

Hội đồng quản trị Công ty chủ động, bám sát các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động quản trị và điều hành thông qua:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng Quản trị (HĐQT) định kỳ, đột xuất và các cuộc họp giao ban của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm.

Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc trao đổi các vấn đề phát sinh hàng ngày. Nhờ đó, Ban Kiểm soát kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu đề ra.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát

không có

IV. Ban điều hành

ST T	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ ngày miễn nhiệm	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Nguyễn Đông Dân	29/11/1964	ĐH TCKT	14/01/2019	
2	Nguyễn Minh Thiện	20/03/1984	Cử nhân hành chính	11/06/2024	

Những thay đổi trong Ban điều hành: Ngày 01/6/2026 Ông Nguyễn Đông Dân - thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé có đơn từ nhiệm không tiếp tục tham gia HĐQT, Tổng giám đốc Công ty. Lý do Nghỉ hưu theo chế độ. Kể từ ngày 02/6/2026 Hội đồng quản trị giao quyền điều hành và là người đại diện pháp luật tại Công ty cổ phần cao su Sông Bé đối với **Ông Nguyễn Minh Thiện** - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty. Ông Nguyễn Minh Thiện có trách nhiệm điều hành hoạt động Công ty và là người đại diện pháp luật kể từ ngày 02/6/2026 cho đến khi Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ ngày miễn nhiệm	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Huỳnh Quang Vĩnh	10/08/1972	ĐH TCKT	14/01/2019	

VI. Đào tạo về quản trị Công ty

Không có

VII. Danh sách về người có liên quan của Công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty.

1. Danh sách về người có liên quan của Công ty (phụ lục 01 đính kèm).

2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

Không có

S T T	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số ngày NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1								
2								
3								

3. Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm giữ quyền kiểm soát:

không có.

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ tại CTNY	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1									
2									

4. Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo):

Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:

Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác:

Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ.

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (phụ lục đính kèm 02).

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

Không có

TT	Người thực hiện	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua, bán, chuyển, đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thành viên HĐQT;
- Ban điều hành, Ban kiểm soát;
- Phòng KTTC;
- Công bố thông tin;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Thái Công Cần



Phụ lục 01
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

(kèm theo Báo cáo số 05.../BC-HĐQT ngày 27/7/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
A. CÁ NHÂN						
1	Thái Công Cần	Chủ tịch Hội đồng quản trị thành viên không điều hành	03/01/2019			
1.1	Thái Thị Thu Hồng		03/01/2019			Chị ruột
1.2	Thái Công Dũng		03/01/2019			Anh ruột
1.3	Nguyễn Quế		03/01/2019			Anh rể
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức		03/01/2019			Chị dâu
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức		03/01/2019			Chị dâu
2	Nguyễn Đông Dân	Thành viên Hội đồng quản trị	03/01/2019			



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
2.1	Nguyễn Thị Thắm		03/01/2019			Vợ
2.2	Nguyễn Thị Hạ My		03/01/2019			Con
2.3	Nguyễn Xuân Phi		03/01/2019			Con
2.4	Nguyễn Châu Xa		03/01/2019			Anh ruột
2.5	Nguyễn Thị Lượng		03/01/2019			Chị ruột
2.6	Nguyễn Minh Khải		03/01/2019			Anh ruột
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan		03/01/2019			Chị ruột
2.8	Nguyễn Thị Hương		03/01/2019			Chị dâu
2.9	Lê Thị Hây		03/01/2019			Chị dâu
2.10	Phạm Văn Việt		03/01/2019			Anh rể
2.11	Ngô Thị Mậu		03/01/2019			Chị dâu
2.12	Trương Tấn Đạt		03/01/2019			Anh rể
2.13	Nguyễn Hữu Thúc		03/01/2019			Bố vợ
3	Nguyễn Minh Thiện	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc điều hành	11/06/2024			
3.1	Nguyễn Văn Tính		11/06/2024			Cha ruột
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà		11/06/2024			Mẹ ruột
3.3	Phạm Thị Niệm		11/06/2024			Vợ

380
C
C
C
S
ON T

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
3.4	Nguyễn Minh Thịnh		11/06/2024			Con trai
3.5	Nguyễn Minh Thế		11/06/2024			Con trai
3.6	Nguyễn Minh Chí		11/06/2024			Em trai
3.7	Nguyễn Minh Tình		11/06/2024			Em trai
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi		11/06/2024			Em gái
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền		11/06/2024			Em rể
3.10	Phạm Văn Thạch		11/06/2024			Cha vợ
3.11	Huỳnh Thị Thừa		11/06/2024			Mẹ vợ
4	Huỳnh Quang Vĩnh	Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT	03/01/2019			
4.1	Huỳnh Quang Hữu		03/01/2019			Cha ruột
4.2	Trần Thị Diễm		03/01/2019			Mẹ ruột
4.3	Phan Thị Biết		03/01/2019			Mẹ vợ
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân		03/01/2019			Chị ruột

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn		03/01/2019			Em ruột
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng		03/01/2019			Em ruột
4.7	Huỳnh Quang Phúc		03/01/2019			Em ruột
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương		03/01/2019			Em ruột
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang		03/01/2019			Em ruột
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh		03/01/2019			Em ruột
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung		03/01/2019			Vợ
4.12	Huỳnh Thùy Trang		03/01/2019			Con ruột
4.13	Hồ Thị Phương Dung		03/01/2019			Em dâu
4.14	Đỗ Đức Hưng		03/01/2019			Em rể
4.15	Nguyễn Mạnh Trường		03/01/2019			Em rể
4.16	Huỳnh Phan Linh Tử		03/01/2019			Em rể
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước	Thành viên Hội đồng quản trị thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/ thư ký HĐQT	03/01/2019			

10464
 TY
 HẠN
 SU
 BE
 T.Đ

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
5.1	Nguyễn Thanh Phú		03/01/2019			Cha ruột
5.2	Nguyễn Thị Định		03/01/2019			Mẹ ruột
5.3	Nguyễn Anh Vũ		03/01/2019			Em ruột
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh		03/01/2019			Em ruột
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan		03/01/2019			Em ruột
5.6	Nguyễn Ngọc Minh		03/01/2019			Em rể
5.7	Vũ Thị Dạ Yến		03/01/2019			Em dâu
5.8	Nguyễn Minh Vũ		03/01/2019			Em rể
6	Trương Minh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	29/12/2023			
6.1	Trương Minh Tư		29/12/2023			Cha
6.2	Nguyễn Thị Hòa		29/12/2023			Mẹ
6.3	Phạm Thị Ngân		29/12/2023			Vợ



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
6.4	Trương Minh Gia Kiệt		29/12/2023			Con trai
6.5	Trương Minh Phương Như		29/12/2023			Con gái
6.6	Trương Minh Huyền		29/12/2023			Em gái
6.7	Phí Đình Hiền		29/12/2023			Em rể
6.8	Nguyễn Thị Ngoan		29/12/2023			Mẹ vợ
7	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng Ban Kiểm soát	03/01/2019			
7.1	Trần Ngọc Yên		03/01/2019			Cha ruột
7.2	Trần Thị Yên		03/01/2019			Mẹ ruột
7.3	Trần Ngọc Quang		03/01/2019			Anh ruột
7.4	Nguyễn Thị Lệ		03/01/2019			Chị dâu
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng		03/01/2019			Chị ruột
7.6	Nguyễn Văn Chứng		03/01/2019			Anh rể
7.7	Trần Ngọc Minh		03/01/2019			Anh ruột

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy		03/01/2019			Chị dâu
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy		03/01/2019			Em ruột
7.10	Đặng Văn Hết		03/01/2019			Em rể
7.11	Trần Ngọc Hiếu		03/01/2019			Em ruột
7.12	Trần Như Oanh		03/01/2019			Em dâu
8	Nguyễn Thị Phương	Kiểm soát viên	28/06/2022			
8.1	Nguyễn Phi Hùng		26/06/2022			Chồng
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		26/06/2022			Con
8.3	Nguyễn Đức Dũng		26/06/2022			Con
8.4	Nguyễn Văn Thanh		26/06/2022			Cha ruột
8.5	Võ Thị Là		26/06/2022			Mẹ ruột
8.6	Nguyễn Văn Hưng		26/06/2022			Cha chồng
8.7	Đinh Thị Hường		26/06/2022			Mẹ chồng

104
T.Y
ẤN
S.U
B.I
T.Đ.C

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
8.8	Nguyễn Thành Long		26/06/2022			Anh ruột
8.9	Nguyễn Thành Nhơn		26/06/2022			Anh ruột
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền		26/06/2022			Chị ruột
8.11	Nguyễn Văn Hùng		26/06/2022			Em ruột
8.12	Hà Thị Khánh		26/06/2022			Chị dâu
8.13	Lê Cu		26/06/2022			Anh rể
8.14	Phan Thị Huyền		26/06/2022			Em dâu
9	Từ Xuân Lâm	Kiểm soát viên	14/09/2020			
9.1	Nguyễn Thị Nhuận		14/09/2020			Mẹ ruột
9.2	Nguyễn Thị Hà		14/09/2020			Vợ
9.3	Từ Khánh Vi		14/09/2020			Con ruột
9.4	Từ Đức Kiên		14/09/2020			Con ruột
9.5	Từ Xuân Trường		14/09/2020			Anh ruột
9.6	Từ Xuân Đồng		14/09/2020			Em ruột
9.7	Từ Thị Thanh Tâm		14/09/2020			Em ruột
B. TỔ CHỨC						
1	Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai		03/01/2019			





Phụ lục 02

**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ**

(kèm theo Báo cáo số 05/BC-HĐQT ngày 27/7/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
A. CÁ NHÂN					
1	Thái Công Cần	Chủ tịch HĐQT thành viên không điều hành	17.325	0.021	
1.1	Thái Thị Thu Hồng		0	0	
1.2	Thái Công Dũng		0	0	
1.3	Nguyễn Quế		0	0	
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức		0	0	
2	Nguyễn Đông Dân	Thành viên HĐQT	75.800	0,093	
2.1	Nguyễn Thị Thắm		0	0	
2.2	Nguyễn Thị Hạ My		0	0	
2.3	Nguyễn Xuân Phi		0	0	
2.4	Nguyễn Châu Xa		0	0	
2.5	Nguyễn Thị Lượng		0	0	



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
2.6	Nguyễn Minh Khải		0	0	
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan		0	0	
2.8	Nguyễn Thị Hương		0	0	
2.9	Lê Thị Hây		0	0	
2.10	Phạm Văn Việt		0	0	
2.11	Ngô Thị Mâu		0	0	
2.12	Trương Tấn Đạt		0	0	
2.13	Nguyễn Hữu Thúc		0	0	
3	Nguyễn Minh Thiện	TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc điều hành	16.325	0,02	
3.1	Nguyễn Văn Tính		0	0	
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà		0	0	
3.3	Phạm Thị Niệm		0	0	
3.4	Nguyễn Minh Thịnh		0	0	
3.5	Nguyễn Minh Thế		0	0	
3.6	Nguyễn Minh Chí		0	0	
3.7	Nguyễn Minh Tình		0	0	
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi		0	0	
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền		0	0	
3.10	Phạm Văn Thạch		0	0	
3.11	Huỳnh Thị Thừa		0	0	

4:38
C
C
S
WTH

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
4	Huỳnh Quang Vĩnh	Kế toán trưởng, người được ủy quyền Công bố thông tin	22.075	0,027	
4.1	Huỳnh Quang Hữu		0	0	
4.2	Trần Thị Diệu		0	0	
4.3	Phan Thị Biết		0	0	
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân		0	0	
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn		0	0	
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng		0	0	
4.7	Huỳnh Quang Phúc		0	0	
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương		0	0	
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang		0	0	
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh		0	0	
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung		0	0	
4.12	Huỳnh Thùy Trang		0	0	còn nhỏ
4.13	Hồ Thị Phương Dung		0	0	
4.14	Đỗ Đức Hưng		0	0	
4.15	Nguyễn Mạnh Trường		0	0	
4.16	Huỳnh Phan Linh Tử		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước	Thành viên Hội đồng quản trị thành viên	14.675	0,018	
5.1	Nguyễn Thanh Phú		0	0	
5.2	Nguyễn Thị Định		0	0	
5.3	Nguyễn Anh Vũ		0	0	
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh		0	0	
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan		0	0	
5.6	Nguyễn Ngọc Minh		0	0	
5.7	Vũ Thị Dạ Yến		0	0	
5.8	Nguyễn Minh Vũ		0	0	
6	Trương Minh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	0	0	
6.1	Trương Minh Tư		0	0	
6.2	Nguyễn Thị Hòa		0	0	
6.3	Phạm Thị Ngân		0	0	
6.4	Trương Minh Gia Kiệt		0	0	
6.5	Trương Minh Phương Như		0	0	
6.6	Trương Minh Huyền		0	0	
6.7	Phí Đình Hiền		0	0	
6.8	Nguyễn Thị Ngoan		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
7	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng Ban Kiểm soát	6.292	0,008	
7.1	Trần Ngọc Yên		0	0	
7.2	Trần Thị Yên		0	0	
7.3	Trần Ngọc Quang		0	0	
7.4	Nguyễn Thị Lệ		0	0	
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng		0	0	
7.6	Nguyễn Văn Chứng		0	0	
7.7	Trần Ngọc Minh		0	0	
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy		0	0	
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy		0	0	
7.10	Đặng Văn Hết		0	0	
7.11	Trần Ngọc Hiếu		0	0	
7.12	Trần Như Oanh		0	0	
8	Nguyễn Thị Phương	Kiểm soát viên	2.925	0,004	
8.1	Nguyễn Phi Hùng		0	0	
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		0	0	
8.3	Nguyễn Đức Dũng		0	0	
8.4	Nguyễn Văn Thanh		0	0	
8.5	Võ Thị Là		0	0	
8.6	Nguyễn Văn Hưng		0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
8.7	Đinh Thị Hương		0	0	
8.8	Nguyễn Thành Long		0	0	
8.9	Nguyễn Thành Nhơn		0	0	
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền		0	0	
8.11	Nguyễn Văn Hùng		0	0	
8.12	Hà Thị Khánh		0	0	
8.13	Lê Cu		0	0	
8.14	Phan Thị Huyền		0	0	
9	Từ Xuân Lâm	Kiểm soát viên	5.842	0,007	
9.1	Nguyễn Thị Nhuận		0	0	
9.2	Nguyễn Thị Hà		0	0	
9.3	Từ Khánh Vi		0	0	
9.4	Từ Đức Kiên		0	0	
9.5	Từ Xuân Trường		0	0	
9.6	Từ Xuân Đồng		0	0	
9.7	Từ Thị Thanh Tâm		0	0	

B. TỔ CHỨC

1	Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai		79.242.696	97,354	
----------	---	--	-------------------	---------------	--



DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI/ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Tên công ty: Công ty cổ phần cao su Sông Bé
Mã chứng khoán: SBR

STT	Mã CK	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)	Giấy NSH	Ngày cấp
1	SBR	Thái Công Cần	Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên không điều hành		CCCD	045067000279	16/10/2023
1.1	SBR	Thái Thị Thu Hồng		Chị ruột	CCCD	045161002589	22/12/2021
1.2	SBR	Thái Công Dũng		Anh ruột	CCCD	045065004616	07/01/2022
1.3	SBR	Nguyễn Quế		Anh rể	CCCD	045053000224	30/03/2021
1.4	SBR	Hoàng Thị Khâm Đức		Chị dâu	CCCD	048175002699	09/05/2021
2	SBR	Nguyễn Đông Dân	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc		CCCD	070064001931	29/04/2021
2.1	SBR	Nguyễn Thị Thắm		Vợ	CCCD	070174002011	29/04/2021
2.2	SBR	Nguyễn Thị Hạ My		Con	CCCD	070199009559	28/06/2021
2.3	SBR	Nguyễn Xuân Phi		Con	CCCD	070202006684	05/06/2021
2.4	SBR	Nguyễn Châu Xa		Anh ruột	CCCD	070047000305	20/04/2021
2.5	SBR	Nguyễn Thị Lượng		Chị ruột	CCCD	070154000899	25/04/2021
2.6	SBR	Nguyễn Minh Khải		Anh ruột	CCCD	070057000623	05/04/2021

STT	Mã CK	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)	Giấy NSH	Ngày cấp
2.7	SBR	Nguyễn Thị Ngọc Loan		Chị ruột	CCCD	070159001282	25/04/2021
2.8	SBR	Nguyễn Thị Hương		Chị dâu	CCCD	046154001290	20/04/2021
2.9	SBR	Lê Thị Hây		Chị dâu	CCCD	080151001336	20/04/2021
2.10	SBR	Phạm Văn Việt		Anh rể	CCCD	031054005223	25/04/2021
2.11	SBR	Ngô Thị Mầu		Chị dâu	CCCD	070161000803	04/04/2021
2.12	SBR	Trương Tấn Đạt		Anh rể	CCCD	070062001285	15/04/2021
2.13	SBR	Nguyễn Hữu Thúc		Bố vợ	CCCD	045039000087	15/04/2021
3	SBR	Nguyễn Minh Thiện	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc		CCCD	70084008422	27/12/2022
3.1	SBR	Nguyễn Văn Tính		Cha ruột	CCCD	70054003405	7/12/2023
3.2	SBR	Nguyễn Thị Minh Hà		Mẹ ruột	CCCD	74161000294	13/9/2023
3.3	SBR	Phạm Thị Niệm		Vợ	CCCD	70185002367	19/04/2021
3.4	SBR	Nguyễn Minh Thịnh		Con trai	CCCD	70209004018	6/12/2023
3.5	SBR	Nguyễn Minh Thế		Con trai	CCCD		
3.6	SBR	Nguyễn Minh Chí		Em trai	CCCD	70085007258	24/06/2022
3.7	SBR	Nguyễn Minh Tình		Em trai	CCCD	70087002096	13/09/2023
3.8	SBR	Nguyễn Thị Thiên Nhi		Em gái	CCCD	70191006875	06/06/2022
3.9	SBR	Nguyễn Lê Mạnh Hiền		Em rể	CCCD	49085014323	17/08/2021
3.10	SBR	Phạm Văn Thạch		Cha vợ	CCCD	70045000032	01/04/2021
3.11	SBR	Huỳnh Thị Thừa		Mẹ vợ	CCCD	70152000122	01/04/2021

380
cô
cô
sô
TN T

STT	Mã CK	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)	Giấy NSH	Ngày cấp
4	SBR	Huỳnh Quang Vĩnh	Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT		CCCD	046072012852	08/12/2021
4.1	SBR	Huỳnh Quang Hữu		Cha ruột	CCCD	046044000232	19/04/2021
4.2	SBR	Trần Thị Diễm		Mẹ ruột	CCCD	046145000422	16/04/2021
4.3	SBR	Phan Thị Biết		Mẹ vợ	CCCD	074141000072	12/04/2021
4.4	SBR	Huỳnh Thị Kim Ngân		Chị ruột	CCCD	046168001513	24/04/2021
4.5	SBR	Huỳnh Thị Kim Đơn		Em ruột	CCCD	046173001601	16/04/2021
4.6	SBR	Huỳnh Thị Kim Hằng		Em ruột	CCCD	046176001588	01/05/2021
4.7	SBR	Huỳnh Quang Phúc		Em ruột	CCCD	070079006683	10/05/2021
4.8	SBR	Huỳnh Thị Kim Phương		Em ruột	CCCD	070181004201	28/06/2021
4.9	SBR	Huỳnh Thị Kim Sang		Em ruột	CCCD	046183004896	28/09/2021
4.10	SBR	Huỳnh Thị Kim Oanh		Em ruột	CCCD	070187000045	28/09/2021
4.11	SBR	Nguyễn Thị Mỹ Dung		Vợ	CCCD	074171010874	28/09/2021
4.12	SBR	Huỳnh Thùy Trang		Con ruột			
4.13	SBR	Hồ Thị Phương Dung		Em dâu	CCCD	070184004019	25/10/2021
4.14	SBR	Đỗ Đức Hưng		Em rể	CCCD	070083000342	25/03/2021
4.15	SBR	Nguyễn Mạnh Trường		Em rể	CCCD	092086004222	06/09/2021
4.16	SBR	Huỳnh Phan Linh Tử		Em rể	CCCD	070083003427	02/12/2022

104
NG
PH
AO
NG
ANH

STT	Mã CK	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)	Giấy NSH	Ngày cấp
5	SBR	Nguyễn Thị Mỹ Phước	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/ thư ký HĐQT		CCCD	070175000179	25/03/2021
5.1	SBR	Nguyễn Thanh Phú		Cha ruột	CCCD	051045000139	18/02/2021
5.2	SBR	Nguyễn Thị Định		Mẹ ruột	CCCD	074156000263	18/02/2021
5.3	SBR	Nguyễn Anh Vũ		Em ruột	CCCD	070078000106	18/02/2021
5.4	SBR	Nguyễn Thị Mỹ Linh		Em ruột	CCCD	070181000376	25/03/2021
5.5	SBR	Nguyễn Thị Mỹ Loan		Em ruột	CCCD	070181000377	25/03/2021
5.6	SBR	Nguyễn Ngọc Minh		Em rể	CCCD	070077001956	22/04/2021
5.7	SBR	Vũ Thị Dạ Yến		Em dâu	CCCD	070189000327	18/02/2021
5.8	SBR	Nguyễn Minh Vũ		Em rể	CCCD	068079000233	24/03/2021
6	SBR	Trương Minh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập		CCCD	070084007567	6/28/2021
6.1	SBR	Trương Minh Tư		Cha	CCCD	70055000601	11/04/2021
6.2	SBR	Nguyễn Thị Hòa		Mẹ	CCCD	7016001367	16/04/2021
6.3	SBR	Phạm Thị Ngân		Vợ	CCCD	70186007165	28/06/2021
6.4	SBR	Trương Minh Gia Kiệt		Con trai	CCCD	70208005209	28/01/2023
6.5	SBR	Trương Minh Phương Như		Con gái	CCCD	70312005916	

146
TỶ
ẤN
SÚ
B
-T.B

STT	Mã CK	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)	Giấy NSH	Ngày cấp
6.6	SBR	Trương Minh Huyền		Em gái	CCCD	70186004898	29/01/2023
6.7	SBR	Phí Đình Hiền		Em rể	CCCD	70083007442	16/12/2022
6.8	SBR	Nguyễn Thị Ngoan		Mẹ vợ	CCCD	39160009887	13/04/2021
7	SBR	Trần Thị Ngọc Liên	Trưởng Ban Kiểm soát		CCCD	070175002001	17/04/2021
7.1	SBR	Trần Ngọc Yên		Cha ruột	CCCD	052041002892	05/07/2021
7.2	SBR	Trần Thị Yến		Mẹ ruột	CCCD	051152006131	05/07/2021
7.3	SBR	Trần Ngọc Quang		Anh ruột	CCCD	070069004820	28/06/2021
7.4	SBR	Nguyễn Thị Lệ		Chị dâu	CCCD	079177035728	28/06/2021
7.5	SBR	Trần Thị Ngọc Phượng		Chị ruột	CCCD	070171000643	04/04/2021
7.6	SBR	Nguyễn Văn Chứng		Anh rể	CCCD	070069000565	04/04/2021
7.7	SBR	Trần Ngọc Minh		Anh ruột	CCCD	070073000188	03/04/2021
7.8	SBR	Nguyễn Thị Thanh Thúy		Chị dâu	CCCD	070177000302	03/04/2021
7.9	SBR	Trần Thị Ngọc Thủy		Em ruột	CCCD	070178002411	13/07/2023
7.10	SBR	Đặng Văn Hết		Em rể	CCCD	079077001410	12/08/2021
7.11	SBR	Trần Ngọc Hiếu		Em ruột	CCCD	070081004678	10/05/2021
7.12	SBR	Trần Như Oanh		Em dâu	CCCD	082184011052	10/05/2021
8	SBR	Nguyễn Thị Phương	Kiểm soát viên		CCCD	070183000820	3/31/2021
8.1	SBR	Nguyễn Phi Hùng		Chồng	CCCD	040084002769	31/03/2021
8.2	SBR	Nguyễn Ngọc Trâm Anh		Con	CCCD	040306000624	04/11/2021
8.3	SBR	Nguyễn Đức Dũng		Con	CCCD		
8.4	SBR	Nguyễn Văn Thanh		Cha ruột	CCCD	046054000611	04/04/2021
8.5	SBR	Võ Thị Là		Mẹ ruột	CCCD	046158001137	25/04/2021

STT	Mã CK	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty	Mối quan hệ với người nội bộ	Loại hình giấy NSH (CCCD; Hộ chiếu; ĐKKD)	Giấy NSH	Ngày cấp
8.6	SBR	Nguyễn Văn Hưng		Cha chồng	CCCD	040058014254	08/11/2021
8.7	SBR	Đinh Thị Hường		Mẹ chồng	CCCD	040157002829	13/04/2021
8.8	SBR	Nguyễn Thành Long		Anh ruột	CCCD	046076003102	01/03/2023
8.9	SBR	Nguyễn Thành Nhơn		Anh ruột	CCCD	046078005069	28/06/2021
8.10	SBR	Nguyễn Thị Thu Hiền		Chị ruột	CCCD	070180001286	05/04/2021
8.11	SBR	Nguyễn Văn Hùng		Em ruột	CCCD	046085000855	13/04/2021
8.12	SBR	Hà Thị Khánh		Chị dâu	CCCD	070173005871	28/06/2021
8.13	SBR	Lê Cu		Anh rể	CCCD	070084002097	16/04/2021
8.14	SBR	Phan Thị Huyền		Em dâu	CCCD	084186002656	15/04/2021
9	SBR	Từ Xuân Lâm	Kiểm soát viên		CCCD	040076002967	10/4/2021
9.1	SBR	Nguyễn Thị Nhuận		Mẹ ruột	CCCD	040148006759	06/08/2022
9.2	SBR	Nguyễn Thị Hà		Mẹ ruột	CCCD	042182005179	10/04/2021
9.3	SBR	Từ Khánh Vi		Con ruột	CCCD	070308010524	05/09/2022
9.4	SBR	Từ Đức Kiên		Con ruột	CCCD		
9.5	SBR	Từ Xuân Trường		Anh ruột	CCCD	040074006032	24/04/2021
9.6	SBR	Từ Xuân Đồng		Em ruột	CCCD	040079026802	10/06/2021
9.7	SBR	Từ Thị Thanh Tâm		Em ruột	CCCD	040182005179	03/04/2021





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 01
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

(kèm theo Báo cáo số 05.../BC-HĐQT ngày 27.../7/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
A. CÁ NHÂN										
1	Thái Công Cần		Chủ tịch Hội đồng quản trị thành viên không điều hành	045067000279	16/10/2023	Khu phố Trung Lợi, P. Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			
1.1	Thái Thị Thu Hồng			045161002589	22/12/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	03/01/2019			Chị ruột
1.2	Thái Công Dũng			045065004616	07/01/2022	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	03/01/2019			Anh ruột
1.3	Nguyễn Quế			045053000224	30/03/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	03/01/2019			Anh rể
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức			048175002699	09/05/2021	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	03/01/2019			Chị dâu
2	Nguyễn Đông Dân		Thành viên Hội đồng quản trị	070064001931	29/04/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			
2.1	Nguyễn Thị Thắm			070174002011	29/04/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Vợ
2.2	Nguyễn Thị Hạ My			070199009559	28/06/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Con
2.3	Nguyễn Xuân Phi			070202006684	05/06/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Con



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
2.4	Nguyễn Châu Xa			070047000305	20/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
2.5	Nguyễn Thị Lượng			070154000899	25/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
2.6	Nguyễn Minh Khải			070057000623	05/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan			070159001282	25/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
2.8	Nguyễn Thị Hương			046154001290	20/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
2.9	Lê Thị Hây			080151001336	20/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
2.10	Phạm Văn Việt			031054005223	25/04/2021	Tổ 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Anh rể
2.11	Ngô Thị Mầu			070161000803	04/04/2021	Ấp Quán Lợi, xã Tân Quan, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
2.12	Trương Tấn Đạt			070062001285	15/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Anh rể
2.13	Nguyễn Hữu Thúc			045039000087	15/04/2021	Ấp Phú Hòa, P. An Lộc, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Bố vợ
3	Nguyễn Minh Thiện		HĐQT, Phó Tổng Giám đốc điều hành	70084008422	27/12/2022	Khu phố 2 , P. Chơn Thành, Tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			
3.1	Nguyễn Văn Tính			70054003405	7/12/2023	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Cha ruột
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà			74161000294	13/09/2023	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Mẹ ruột
3.3	Phạm Thị Niệm			70185002367	19/04/2021	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Vợ
3.4	Nguyễn Minh Thịnh			70209004018	6/12/2023	Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	11/6/2024			Con trai

380
C
C
C
S
N T

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
3.5	Nguyễn Minh Thế					Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Con trai
3.6	Nguyễn Minh Chí			70085007258	24/06/2022	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Em trai
3.7	Nguyễn Minh Tình			70087002096	13/09/2023	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Em trai
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi			70191006875	06/06/2022	Phường An Hội Tây, TP.HCM	11/6/2024			Em gái
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền			49085014323	17/08/2021	Phường An Hội Tây, TP.HCM	11/6/2024			Em rể
3.10	Phạm Văn Thạch			70045000032	01/04/2021	Xã Long Hưng, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Cha vợ
3.11	Huỳnh Thị Thừa			70152000122	01/04/2021	Xã Long Hưng, thành phố Đồng Nai	11/6/2024			Mẹ vợ
4	Huỳnh Quang Vĩnh		Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT	046072012852	08/12/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			
4.1	Huỳnh Quang Hữu			046044000232	19/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Cha ruột
4.2	Trần Thị Diễm			046145000422	16/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ ruột
4.3	Phan Thị Biết			074141000072	12/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ vợ
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân			046168001513	24/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn			046173001601	16/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng			046176001588	01/05/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.7	Huỳnh Quang Phúc			070079006683	10/05/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương			070181004201	28/06/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang			046183004896	28/09/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh			070187000045	28/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thuỷ, TP.Cần Thơ	03/01/2019			Em ruột
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung			074171010874	28/09/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Vợ
4.12	Huỳnh Thùy Trang					Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Con ruột
4.13	Hồ Thị Phương Dung			070184004019	25/10/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em dâu
4.14	Đỗ Đức Hưng			070083000342	25/03/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em rể
4.15	Nguyễn Mạnh Trường			092086004222	06/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thuỷ, TP.Cần Thơ	03/01/2019			Em rể
4.16	Huỳnh Phan Linh Từ			070083003427	02/12/2022	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em rể
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước		Thành viên Hội đồng quản trị thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/ thư ký HĐQT	070175000179	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận, P An Lộc, tỉnh Đồng Nai	03/01/2019			
5.1	Nguyễn Thanh Phú			051045000139	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận, P An Lộc, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Cha ruột
5.2	Nguyễn Thị Định			074156000263	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận, P An Lộc, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ ruột

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
5.3	Nguyễn Anh Vũ			070078000106	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh			070181000376	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan			070181000377	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột
5.6	Nguyễn Ngọc Minh			070077001956	22/04/2021	Ấp 1, Xã Minh Đức, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em rể
5.7	Vũ Thị Dạ Yến			070189000327	18/02/2021	KP Phú Nghĩa, P Bình Long, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em dâu
5.8	Nguyễn Minh Vũ			068079000233	24/03/2021	KP Phú Trung, P Bình Long , thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em rể
6	Trương Minh Hùng		Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	070084007567	6/28/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	29/12/2023			
6.1	Trương Minh Tư			70055000601	11/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Cha
6.2	Nguyễn Thị Hòa			7016001367	16/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Mẹ
6.3	Phạm Thị Ngân			70186007165	28/06/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Vợ
6.4	Trương Minh Gia Kiệt			70208005209	28/01/2023	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Con trai
6.5	Trương Minh Phương Như			70312005916		KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Con gái
6.6	Trương Minh Huyền			70186004898	29/01/2023	KP. Phú Thanh, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Em gái
6.7	Phí Đình Hiền			70083007442	16/12/2022	KP. Phú Thanh, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Em rể



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
6.8	Nguyễn Thị Ngoan			39160009887	13/04/2021	Phường Phước Long, thành phố Đồng Nai	29/12/2023			Mẹ vợ
7	Trần Thị Ngọc Liên		Trưởng Ban Kiểm soát	070175002001	17/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			
7.1	Trần Ngọc Yên			052041002892	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Cha ruột
7.2	Trần Thị Yến			051152006131	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Mẹ ruột
7.3	Trần Ngọc Quang			070069004820	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
7.4	Nguyễn Thị Lệ			079177035728	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng			070171000643	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị ruột
7.6	Nguyễn Văn Chứng			070069000565	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Anh rể
7.7	Trần Ngọc Minh			070073000188	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Anh ruột
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy			070177000302	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Chị dâu
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy			070178002411	13/07/2023	9/1 Nguyễn Thị Ngâu, ấp Thới Tứ 2, xã Đồng Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	03/01/2019			Em ruột
7.10	Đặng Văn Hết			079077001410	12/08/2021	9/1 Nguyễn Thị Ngâu, ấp Thới Tứ 2, xã Đồng Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	03/01/2019			Em rể
7.11	Trần Ngọc Hiếu			070081004678	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em ruột

010
ÔNG
Ổ PH
CAO
ÔNG
THÀNH

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
7.12	Trần Như Oanh			082184011052	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			Em dâu
8	Nguyễn Thị Phương		Kiểm soát viên	070183000820	3/31/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			
8.1	Nguyễn Phi Hùng			040084002769	31/03/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Chồng
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh			040306000624	04/11/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Con
8.3	Nguyễn Đức Dũng					Tổ 6, KP Thanh Xuân, xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Con
8.4	Nguyễn Văn Thanh			046054000611	04/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Cha ruột
8.5	Võ Thị Là			046158001137	25/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Mẹ ruột
8.6	Nguyễn Văn Hưng			040058014254	08/11/2021	Xóm Đông Hồng, xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	28/6/2022			Cha chồng
8.7	Đinh Thị Hường			040157002829	13/04/2021	Xóm Đông Hồng, xã Đông Hiếu, tỉnh Nghệ An	28/6/2022			Mẹ chồng
8.8	Nguyễn Thành Long			046076003102	01/03/2023	Đường Hà Công, Phường Kim Trà, Thành Phố Huế	28/6/2022			Anh ruột
8.9	Nguyễn Thành Nhơn			046078005069	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Anh ruột
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền			070180001286	05/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Chị ruột
8.11	Nguyễn Văn Hùng			046085000855	13/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Em ruột

0464
TỶ
HÂN
SU
B
T.T.ĐC

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ với Công ty
8.12	Hà Thị Khánh			070173005871	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Chị dâu
8.13	Lê Cu			070084002097	16/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Anh rể
8.14	Phan Thị Huyền			084186002656	15/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	28/6/2022			Em dâu
9	Từ Xuân Lâm		Kiểm soát viên	040076002967	14/04/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	14/9/2020			
9.1	Nguyễn Thị Nhuận			040148006759	06/08/2022	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Mẹ ruột
9.2	Nguyễn Thị Hà			042182005179	10/04/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	14/9/2020			Vợ
9.3	Từ Khánh Vi			070308010524	05/09/2022	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	14/9/2020			Con ruột
9.4	Từ Đức Kiên					Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	14/9/2020			Con ruột
9.5	Từ Xuân Trường			040074006032	24/04/2021	Khu phố Đông Tân, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Anh ruột
9.6	Từ Xuân Đồng			040079026802	10/06/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Em ruột
9.7	Từ Thị Thanh Tâm			040182005179	03/04/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	14/9/2020			Em ruột
B. TỔ CHỨC										
1	Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai					Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, Phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai	03/01/2019			





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02
DANH SÁCH VỀ NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ
(kèm theo Báo cáo số 05./BC-HĐQT ngày 27/7/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cao su Sông Bé)

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu%	Ghi chú
A. CÁ NHÂN										
1	Thái Công Cần		Chủ tịch HĐQT thành viên không điều hành	CCCD	045067000279	16/10/2023	Khu phố Trung Lợi, P. Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	17.325	0.021	
1.1	Thái Thị Thu Hồng			CCCD	045161002589	22/12/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	0	0	
1.2	Thái Công Dũng			CCCD	045065004616	07/01/2022	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0	
1.3	Nguyễn Quế			CCCD	045053000224	30/03/2021	Thái Thị Bôi, Tổ 50, Phường Thanh Khê, TP Đà Nẵng	0	0	
1.4	Hoàng Thị Khâm Đức			CCCD	048175002699	09/05/2021	162 Thanh Long, P. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	0	0	
2	Nguyễn Đông Dân		Thành viên HĐQT	CCCD	070064001931	29/4/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	75.800	0,093	
2.1	Nguyễn Thị Thắm			CCCD	070174002011	29/04/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.2	Nguyễn Thị Hạ My			CCCD	070199009559	28/06/2021	Tổ 1, KP 1, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
2.3	Nguyễn Xuân Phi			CCCD	070202006684	05/06/2021	Tô 1, KP 1, phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.4	Nguyễn Châu Xa			CCCD	070047000305	20/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.5	Nguyễn Thị Lượng			CCCD	070154000899	25/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.6	Nguyễn Minh Khải			CCCD	070057000623	05/04/2021	Tô 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.7	Nguyễn Thị Ngọc Loan			CCCD	070159001282	25/04/2021	Tô 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.8	Nguyễn Thị Hương			CCCD	046154001290	20/04/2021	Tô 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.9	Lê Thị Hây			CCCD	080151001336	20/04/2021	Tô 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.10	Phạm Văn Việt			CCCD	031054005223	25/04/2021	Tô 1, KP 1, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.11	Ngô Thị Mâu			CCCD	070161000803	04/04/2021	Ấp Quân Lợi, xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai	0	0	
2.12	Trương Tấn Đạt			CCCD	070062001285	15/04/2021	Ấp Hưng Lập, xã Tân Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
2.13	Nguyễn Hữu Thúc			CCCD	045039000087	15/04/2021	Ấp Phú Hòa, P. An Lộc, thành phố Đồng Nai	0	0	
3	Nguyễn Minh Thiện		TV HĐQT- Phó Tổng Giám đốc điều hành	CCCD	70084008422	27/12/2022	Khu phố 2, P. Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	16.325	0,02	
3.1	Nguyễn Văn Tính			CCCD	70054003405	7/12/2023	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
3.2	Nguyễn Thị Minh Hà			CCCD	74161000294	13/9/2023	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
3.3	Phạm Thị Niệm			CCCD	70185002367	19/04/2021	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu,	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
3.4	Nguyễn Minh Thịnh			CCCD	70209004018	6/12/2023	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
3.5	Nguyễn Minh Thế			CCCD			Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	Còn nhỏ
3.6	Nguyễn Minh Chí			CCCD	70085007258	24/06/2022	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
3.7	Nguyễn Minh Tinh			CCCD	70087002096	13/09/2023	Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
3.8	Nguyễn Thị Thiên Nhi			CCCD	70191006875	06/06/2022	Phường An Hội Tây, TP.HCM	0	0	
3.9	Nguyễn Lê Mạnh Hiền			CCCD	49085014323	17/08/2021	Phường An Hội Tây, TP.HCM	0	0	
3.10	Phạm Văn Thạch			CCCD	70045000032	01/04/2021	Xã Long Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
3.11	Huỳnh Thị Thừa			CCCD	70152000122	01/04/2021	Xã Long Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
4	Huỳnh Quang Vĩnh		Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT	CCCD	046072012852	08/12/2021	Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	22.075	0,027	
4.1	Huỳnh Quang Hữu			CCCD	046044000232	19/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.2	Trần Thị Diễm			CCCD	046145000422	16/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.3	Phan Thị Biết			CCCD	074141000072	12/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.4	Huỳnh Thị Kim Ngân			CCCD	046168001513	24/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.5	Huỳnh Thị Kim Đơn			CCCD	046173001601	16/04/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.6	Huỳnh Thị Kim Hằng			CCCD	046176001588	01/05/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.7	Huỳnh Quang Phúc			CCCD	070079006683	10/05/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	

001
ÔNG
Ổ P
ĐAO
ĐNG
VÁNH

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
4.8	Huỳnh Thị Kim Phương			CCCD	070181004201	28/06/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.9	Huỳnh Thị Kim Sang			CCCD	046183004896	28/09/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.10	Huỳnh Thị Kim Oanh			CCCD	070187000045	28/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thuỷ, TP.Cần Thơ	0	0	
4.11	Nguyễn Thị Mỹ Dung			CCCD	074171010874	28/09/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.12	Huỳnh Thùy Trang			CCCD			Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.13	Hồ Thị Phương Dung			CCCD	070184004019	25/10/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.14	Đỗ Đức Hưng			CCCD	070083000342	25/03/2021	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
4.15	Nguyễn Mạnh Trường			CCCD	092086004222	06/09/2021	Số 220/21 CMT8, P.Bình Thuỷ, TP.Cần Thơ	0	0	
4.16	Huỳnh Phan Linh Từ			CCCD	070083003427	02/12/2022	Phường Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
5	Nguyễn Thị Mỹ Phước		Thành viên Hội đồng quản trị thành viên không điều hành/ người phụ trách quản trị công ty/thư ký HĐQT	CCCD	070175000179	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	14.675	0,018	
5.1	Nguyễn Thanh Phú			CCCD	051045000139	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	0	0	

0046
T.ĐỒNG
SU
H.Đ.Đ.Đ.
T.Đ.Đ.Đ.

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
5.2	Nguyễn Thị Định			CCCD	074156000263	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	0	0	
5.3	Nguyễn Anh Vũ			CCCD	070078000106	18/02/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	0	0	
5.4	Nguyễn Thị Mỹ Linh			CCCD	070181000376	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	0	0	
5.5	Nguyễn Thị Mỹ Loan			CCCD	070181000377	25/03/2021	Tổ 7, KP Phú Thuận , P An Lộc, thành phố Đồng Nai	0	0	
5.6	Nguyễn Ngọc Minh			CCCD	070077001956	22/04/2021	Ấp 1, Xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	0	0	
5.7	Vũ Thị Dạ Yến			CCCD	070189000327	18/02/2021	KP Phú Nghĩa, P Bình Long, thành phố Đồng Nai	0	0	
5.8	Nguyễn Minh Vũ			CCCD	068079000233	24/03/2021	KP Phú Trung, P Bình Long , thành phố Đồng Nai	0	0	
6	Trương Minh Hùng		Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	CCCD	070084007567	6/28/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
6.1	Trương Minh Tư			CCCD	70055000601	11/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
6.2	Nguyễn Thị Hòa			CCCD	7016001367	16/04/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
6.3	Phạm Thị Ngân			CCCD	70186007165	28/06/2021	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
6.4	Trương Minh Gia Kiệt			CCCD	70208005209	28/01/2023	KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
6.5	Trương Minh Phương Như			CCCD	70312005916		KP. Tân Xuân, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
6.6	Trương Minh Huyền			CCCD	70186004898	29/01/2023	KP. Phú Thanh, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	



STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
6.7	Phí Đình Hiền			CCCD	70083007442	16/12/2022	KP. Phú Thanh, P. Bình Phước, thành phố Đồng Nai	0	0	
6.8	Nguyễn Thị Ngoan			CCCD	39160009887	13/04/2021	Phường Phước Long, thành phố Đồng Nai	0	0	
7	Trần Thị Ngọc Liên		Trưởng Ban Kiểm soát	CCCD	070175002001	17/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	6.292	0,008	
7.1	Trần Ngọc Yên			CCCD	052041002892	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.2	Trần Thị Yến			CCCD	051152006131	05/07/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.3	Trần Ngọc Quang			CCCD	070069004820	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.4	Nguyễn Thị Lệ			CCCD	079177035728	28/06/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.5	Trần Thị Ngọc Phượng			CCCD	070171000643	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.6	Nguyễn Văn Chứng			CCCD	070069000565	04/04/2021	KP II, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.7	Trần Ngọc Minh			CCCD	070073000188	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.8	Nguyễn Thị Thanh Thúy			CCCD	070177000302	03/04/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, thành phố Đồng Nai	0	0	
7.9	Trần Thị Ngọc Thủy			CCCD	070178002411	13/07/2023	9/1 Nguyễn Thị Ngẫu, ấp Thới Tứ 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	0	0	
7.10	Đặng Văn Hết			CCCD	079077001410	12/08/2021	9/1 Nguyễn Thị Ngẫu, ấp Thới Tứ 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, TP HCM	0	0	

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
7.11	Trần Ngọc Hiếu			CCCD	070081004678	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
7.12	Trần Như Oanh			CCCD	082184011052	10/05/2021	KP Trung Lợi, Phường Chơn Thành, tỉnh Đồng Nai	0	0	
8	Nguyễn Thị Phương		Kiểm soát viên	CCCD	070183000820	3/31/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	2.925	0,004	
8.1	Nguyễn Phi Hùng			CCCD	040084002769	31/03/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.2	Nguyễn Ngọc Trâm Anh			CCCD	040306000624	04/11/2021	Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.3	Nguyễn Đức Dũng			CCCD			Tổ 6, KP Thanh Xuân, Xã Thiện Hưng, thành phố Đồng Nai	0	0	Còn nhỏ
8.4	Nguyễn Văn Thanh			CCCD	046054000611	04/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.5	Võ Thị Là			CCCD	046158001137	25/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.6	Nguyễn Văn Hưng			CCCD	040058014254	08/11/2021	Xóm Đông Hồng, Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	0	0	
8.7	Đinh Thị Hường			CCCD	040157002829	13/04/2021	Xóm Đông Hồng, Xã Đông Hiếu, Tỉnh Nghệ An	0	0	
8.8	Nguyễn Thành Long			CCCD	046076003102	01/03/2023	Đường Hà Công, Phường Kim Trà, Thành Phố Huế	0	0	
8.9	Nguyễn Thành Nhơn			CCCD	046078005069	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.10	Nguyễn Thị Thu Hiền			CCCD	070180001286	05/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.11	Nguyễn Văn Hùng			CCCD	046085000855	13/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	

64-C
 Y
 N
 U
 BẾ
 T.Đ.Đ.

STT	Tên tổ chức/Cá nhân	Tài khoản giao dịch Chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Loại hình Giấy NSH (CMND, CCCD, Hộ chiếu, ĐKKD)	Số giấy NSH	Ngày cấp giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu %	Ghi chú
8.12	Hà Thị Khánh			CCCD	070173005871	28/06/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.13	Lê Cu			CCCD	070084002097	16/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	
8.14	Phan Thị Huyền			CCCD	084186002656	15/04/2021	Tổ 2, Ấp 1, Xã Lộc Ninh, thành phố Đồng Nai	0	0	
9	Từ Xuân Lâm		Kiểm soát viên	CCCD	040076002967	10/4/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	5.842	0,007	
9.1	Nguyễn Thị Nhuận			CCCD	040148006759	06/08/2022	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	0	0	
9.2	Nguyễn Thị Hà			CCCD	042182005179	10/04/2021	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	0	0	
9.3	Từ Khánh Vi			CCCD	070308010524	05/09/2022	Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	0	0	
9.4	Từ Đức Kiên			CCCD			Thôn 14, xã Nghĩa Trung, thành phố Đồng Nai	0	0	Còn nhỏ
9.5	Từ Xuân Trường			CCCD	040074006032	24/04/2021	Khu phố Đông Tân, Phường Dĩ An, TP Hồ Chí Minh	0	0	
9.6	Từ Xuân Đồng			CCCD	040079026802	10/06/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	0	0	
9.7	Từ Thị Thanh Tâm			CCCD	040182005179	03/04/2021	Khu phố Tân Phước, Phường Tân Đông Hiệp, TP Hồ Chí Minh	0	0	

B. TỔ CHỨC

1	Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai						Số 02 đường Nguyễn Văn Trị, Phường Trần Biên, thành phố Đồng Nai	79.242.696	97,354	
---	---------------------------------------	--	--	--	--	--	---	------------	--------	--

